

# **MỘT SỐ TƯỚNG LĨNH TIÊU BIỂU CỦA NGHĨA QUÂN CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG BÌNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC LÀM SÁNG TỎ LIÊN QUAN ĐẾN PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG VÀ VUA HÀM NGHI**

**CN. TRẦN ANH TUẤN**  
Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình

## **1. Bối cảnh ra đời của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình**

Vào những năm của thập kỷ 90 thế kỷ XIX, thực dân Pháp thực hiện chính sách khai thác thuộc địa, bóc lột một cách có quy mô, hệ thống; Nhân dân điêu đứng vì chế độ thuế khóa của chính quyền Pôn-be, nhất là thuế muối, nhiều nơi đã phải bỏ nghề muối cổ truyền, khắc nghiệt hơn trước là các loại thuế thân, thuế ruộng. Từ năm 1886 tại các tỉnh ở khu vực miền Trung, Pháp đặt chức quan Trú sứ (Công sứ), ở tỉnh Quảng Bình lúc đó chỉ có một phó Trú sứ và phụ thuộc vào Trú sứ Thanh hóa.

Năm 1774, vùng Nghệ Tĩnh có Tú tài Trần Tấn và Đặng Như Mai dấy binh khởi nghĩa chống lại hiệp ước bán nước của vua Tự Đức. Lúc bấy giờ ở vùng núi phía Tây Quảng Bình, có vị thủ lĩnh tên là Trương Quang Thủ, trước vốn từng cầm đầu nhân dân vùng thượng nguồn Tuyên hóa chống lại triều đình nhà Nguyễn, dẫn quân ra phối hợp với Trần Tấn, nghĩa quân của Trương Quang Thủ chiếm được thành Hà Tĩnh, tiến ra vây phủ Diễn Châu. Vua Tự Đức sai Nguyễn Văn Tường làm Khâm sai đại thân và Lê Bá Thân đem quân ra đàn áp. Hai bên đánh nhau trong suốt 4 tháng ròng, Thủ phải rút lui về Thanh Thiên, giữ thế phòng thủ trên vùng thượng nguồn Rào Nậy (Sông Gianh), một thời gian sau Thủ chết, con trai của Thủ là Trương Quang Ngọc nối nghiệp cha, lấy đất Khe Ve làm căn cứ. Ngọc chiêu mộ dân chúng vùng miền núi giáp Lào, tổ chức đội quân luyện tập thiện chiến để đối phó với quân Pháp và quân Nam triều.

Năm 1885, khi Tôn Thất thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Quảng Trị và hạ chiếu Cần Vương cứu nước thì nhân dân Quảng Bình với nhiều tầng lớp nổi lên hưởng ứng mạnh mẽ, khí thế từ đó lan rộng ra trên phạm vi cả nước. Lúc bấy giờ có hiện tượng khá độc đáo đó là các thủ lĩnh nghĩa quân tự phong hay do vua Hàm Nghi xuống chiếu phong cho các chức vụ. Ở vùng phía Nam tỉnh Quảng Bình có các ông Đề Phú, Đề Trích, Đề Chít, Đề Sú, Hoàng Phúc (còn gọi là Hoàng Phước), Lãnh Tăng, Lãnh Ngưỡng... lập căn cứ ở vùng núi Áng Sơn (Quảng Ninh), đến nay vẫn còn dấu tích đồn lũy của Đề Chít tại xóm Đôn,

thôn Vạn Xuân, xã Vạn Ninh.

Ở miền ngoài, phong trào kháng Pháp rất sôi nổi, ở Xuân Mai có Cao Thượng Chí (còn gọi là Thượng Sự); ở Thọ Linh có Mai Lượng; ở thôn Hạ Trang, Văn Hóa có Bá Hộ Nghi lập căn cứ ở Hung Tắt (có hiện vật được dấu trong hang dơi...); ở Trung Thuần có Lê Tuân lập căn cứ ở Trại Nái; ở Hòa Ninh có Đoàn Chí Tuân (Bạch Xi).

Trong số rất nhiều các vị thủ lĩnh nghĩa quân thì nổi lên có hai thủ lĩnh có lực lượng và uy tín lớn nhất đó là Nguyễn Phạm Tuân và Lê Trực.

## **2. Nguyễn Phạm Tuân**

Tục gọi là Tán Tuân, nguyên người thôn Văn Thượng, xã Lộc Canh, tổng Xuân Canh, huyện Đông Anh, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông thuộc dòng dõi quan lại, nhưng nhà nghèo, cha chết sớm phải cùng mẹ vào sinh sống ở Quảng Bình từ khi đang còn nhỏ. Ông thi đỗ Cử nhân, lần lượt được bổ các chức Huấn đạo, rồi quyền Tri huyện Bồ Trạch, Tri huyện Tuyên Hóa, Tri phủ Đức Thọ. Sau khi kinh thành thất thủ ông xin từ quan về quê. Gia phả dòng họ có chép khi đó ông muốn tự tử để tận tiết với nhà vua và được bà cô cứu sống, đến nay vẫn còn lưu truyền hai câu đối tuyệt mệnh:

“Lịch thế quốc ân thường nhất tử  
Bách niên, gia trạch ký tam sinh”<sup>1</sup>

Tạm dịch là:

Ơn nước bao đời đều một chết  
Phúc nhà trăm tuổi tạc ba sinh.

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, ông đứng lên tập hợp nhân dân cầm vũ khí khởi nghĩa cứu nước, cứu dân. Thân hào 3 huyện Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bồ Trạch thống nhất đề cử Nguyễn Phạm Tuân lên làm chủ soái kéo cờ Cần Vương khởi nghĩa. Theo gia phả cho biết, lúc bấy giờ Nguyễn Phạm Tuân được sắc cho “Hồng Lô tự thiếu khanh sung bình, Thứ Tán tương Quân vụ”<sup>2</sup>. Đến khi Hàm Nghi ra đến Quảng Bình, ông vào châu nhà vua, lại được sắc phong “Hồng Lô tự khanh, Tán lý Quân vụ”, sau ngày Tôn Thất Thuyết qua Trung Quốc cầu viện, ông lại được sắc phong "Thượng tướng" có bài ngà. Ông là người có uy tín lớn trong nhân dân và trong lực lượng nghĩa quân trong tỉnh. Căn cứ kháng chiến của ông ở Cổ Liêm. Công văn, giấy tờ các nơi đi về báo cáo với triều đình đều qua chỗ ông rồi mới chuyển đến căn cứ của vua Hàm Nghi. Thực dân Pháp cũng phải thừa nhận rằng ông là người chỉ huy chính, là linh hồn của phong trào chống Pháp ở Quảng Bình. Một bài về còn được lưu hành trong nhân dân có nói về Nguyễn Phạm Tuân như sau: “Huyện Tuân bày ra trước, làm Tham tán đại thần, Thảo bằng cấp phong quan, Biết mấy mươi

mà kẻ, Biết chừng nào mà kẻ, Kẻ thì phó vệ, kẻ làm lãnh binh, Kẻ đốc chiến đốc binh, Người cai cơ đội trưởng...”<sup>3</sup>

Trong năm 1886, nhiều trận đánh lớn đã diễn ra giữa quân Pháp và nghĩa quân Cần Vương do ông chỉ huy; ông đã chỉ huy bắt sống và giết chết tên Bộ chính Quảng Bình là Phan Đình Dương ngày 10/1/1886 tại Đồng Hới.

Vào hạ tuần tháng 1 năm 1886, tại Khe Ve, nghĩa quân đẩy lùi một đội quân lớn của Pháp do thiếu tá Pen-lơ-chi-ê chỉ huy dù cho quân Pháp cố chiếm giữ các lũy phòng ngự của nghĩa quân. Từ ngày 16/2/1886 đến ngày 7/3/1886, quân Pháp lại mở chiến dịch càn quét lớn vào khu căn cứ nghĩa quân. Dịch tấn công bằng 3 cánh quân, một cánh từ Troóc đánh lên Quy Đạt phối hợp với đội quân châu Phi từ Minh Cầm lên và đại đội lính thủy đánh bộ thứ 27 từ Đồng Lê đánh sang. Một cánh quân khác của đại tá Ô-li-vơ có nhiệm vụ đánh chiếm Thanh Lạng, bao vây khu vực phía bắc căn cứ, một cánh quân nữa cũng xuất phát từ Quy Đạt tiến lên Khe Ve với nhiệm vụ tiền đạo. Lấy Khe Ve làm trung tâm, cuộc càn quét tiến về phía thượng nguồn Rào Nậy, thọc sâu vào khu căn cứ nghĩa quân. Tất cả lực lượng đánh chiếm này đều đặt dưới sự chỉ huy của đại tá Mét-din-gơ. Nhưng quân Pháp đã bị nghĩa quân đánh trả khắp nơi, chúng bị lạc vào rừng sâu, bị bắn tia, tổn thất rất lớn. Cuối cùng chúng phải bỏ dở cuộc hành quân và rút lui về Đồng Hới sau ngày 7/3/1886.

Tháng 3 năm Đinh Hợi 1887, dịch lại tấn công vào làng Cổ Liêm, nghĩa quân của Nguyễn Phạm Tuân đánh trả quyết liệt nhưng vì lực lượng quá yếu nên đồn Thác Đài bị thất thủ. Để tính việc đánh Pháp lâu dài ông cùng một lãnh binh với 60 nghĩa quân vượt núi ra Hà Tĩnh để cùng phối hợp với các lực lượng văn thân tìm cách chuyển căn cứ ra Bắc.

Trên đường đi ông bị bệnh và phải tạm lánh về làng Cổ Liêm. Dịch phát hiện ra nơi ở của ông, chúng tấn công và bắt được ông, sau đó vài ngày ông đã anh dũng hy sinh và không để kẻ thù mua chuộc, lợi dụng.

### **3. Đề đốc Lê Trực**

Ông cụ thân sinh ra Lê Trực nguyên người ở tỉnh Thanh Hóa, vì nghèo đói phải rời quê vào sinh sống tại vùng Tuyên Hóa, Quảng Bình với nghề đốn gỗ. Vì quá lam lũ, khổ cực, bố ông bị chết trong rừng, ông theo mẹ về vùng Thanh Thủy (Tiền Hóa) làm thuê cuộc mưu sinh con nuôi nhau. Ngay từ ngày nhỏ Lê Trực đã rất bướng bỉnh, không chịu để bọn nhà giàu chèn ép, nên ông không ở thuê cho ai được lâu. Bà mẹ phải gửi ông vào ở nhà ông Thủ Ngự, một người trong họ. Ông làm lụng rất vất vả, nhưng vẫn thức khuya tranh thủ học lại bài của con ông Thủ Ngự. Ông thông minh và rất chăm chỉ nên tuy ít có điều kiện để học tập mà vẫn học giỏi hơn con ông chủ. Thầy đồ lấy làm ngạc nhiên và khâm phục, hết sức giúp đỡ ông học tập. Lớn lên ông lấy vợ cùng ở quê Thanh

Thủy. Vợ ông nhà nghèo và mồ côi cha mẹ sớm. Hai vợ chồng lam lũ, vất vả quanh năm nhưng vẫn đói khổ. Vào một năm, do mất mùa đói kém, ông phần chí nhận đi lính thay cho bọn nhà giàu để lấy tiền nuôi gia đình. Do có sức khỏe, nhân triều đình mở khoa thi võ, ông đi thi và đậu Tiến sĩ võ. Ông làm quan đến chức Đô đốc và đóng quân ở Hà Nội. Ông là một trong những người chủ chiến và chủ trương không cố thủ ở Hà Nội mà phải chuyển lên vùng trung du đánh giặc. Khi Hà Nội thất thủ, triều đình Huế đầu hàng ký điều ước 1883, ông bỏ về quê nhà. Năm 1885, khi vua Hàm Nghi xuất bôn, hưởng ứng chiếu Cần Vương, ông đứng lên chiêu mộ binh sĩ khởi nghĩa.

Ông được Tôn Thất Thuyết giao cho việc quản lý 3 con voi của vua Hàm Nghi. Vợ ông cũng tích cực tham gia kháng chiến. Bà được giao phụ trách trại sản xuất của nghĩa quân ở cửa Xai làng Thanh Thủy. Hai cô con gái lớn của ông cũng tích cực hoạt động cho phong trào Cần Vương. Cô lớn phụ trách văn thư, giấy tờ, cô thứ hai do biết nghề thuốc bắc nên được trông coi việc y tế. Lê Trực là một trong những thủ lĩnh Cần Vương có vai trò quan trọng ở Quảng Bình. Ông lập căn cứ kháng chiến ở vùng thượng du sông Gianh, ngay tại làng Thanh Thủy nơi quê ông.

Đội nghĩa quân của Lê Trực hoạt động mạnh ở vùng trung lưu sông Gianh. Quân số có lúc lên tới 2.000 người nhưng trang bị còn rất thiếu thốn, họ chỉ có 50 khẩu súng tay và 8 khẩu đại bác nhỏ...

Tháng 11 năm 1886, đại úy Mu-tô tập trung lính ở đồn Quảng Khê, Ròn, chợ Đồn, với 250 lính ngự có đại bác yểm trợ tiến đánh căn cứ Lê Trực. Trong trận này chúng đem theo cha cố Tooc-tuy-o dẫn đường. Một trận đánh lớn đã diễn ra ở Bãi Boi trên bờ sông Gianh thuộc làng Thanh Thủy. Nghĩa quân địch đến gần mới xung phong đánh trả. Trong trận này nghĩa quân dùng cả dao, gậy, gươm thờ, câu liêm để đánh giặc. Do lực lượng yếu, nghĩa quân phải rút lui, quân địch truy kích đuổi theo bị họ chặn đánh và bị tổn thất nặng nề. Trong trận đánh này, tên giáo sĩ Tooc-tuy-o bị thương nặng. Để trả thù, đến cuối tháng 11, địch lại tấn công Thanh Thủy một lần nữa nhưng cũng bị thất bại.

Những đội quân của Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Đàm là những đội nghĩa quân chính trong tinh hoạt động chủ yếu ở vùng phía Bắc Quảng Bình. Cả ba đội quân ấy được nhân dân thường gọi là những đội nghĩa quân của nhân dân, mà chủ yếu là của nông dân địa phương. Có thể trong lực lượng nghĩa binh của Tôn Thất Đàm có một số nghĩa quân được đến từ Quảng Trị, Nghệ Tĩnh nhưng chung quy vẫn là đội quân khởi nghĩa của nhân dân, không phải do quân đội triều đình xây dựng. Bên cạnh ba đội nghĩa quân lớn này còn có nhiều đội quân nhỏ được tập hợp và hoạt động trong phạm vi một huyện hay một số xã liền kề nhau. Trong hầu hết các làng đều có những đội dân

binh được tổ chức từ các thanh niên trai tráng trong làng hưởng ứng lời hiệu triệu của nhà vua cầm vũ khí để bảo vệ làng, xóm.

Nghĩa quân tìm mọi cách để cản giặc, đắp lũy, đóng cọc ngăn sông, thực hiện vườn không nhà trống, bất hợp tác với giặc làm cho chúng gặp nhiều khó khăn. Có thể nói, phong trào vũ trang chống Pháp ở Quảng Bình phát triển khá mạnh và mang tính nhân dân rõ rệt. Tinh thần kháng chiến đặc biệt sôi nổi ở vùng Bắc Quảng Bình. Đáng chú ý là ngay từ những ngày đầu kháng chiến, cuộc chiến đấu ở đây đã diễn ra quyết liệt ở vùng đồng bằng cũng như ở vùng núi. Địch chiếm đóng miền xuôi để chặn đường tiếp tế lương thực và quân trang, quân dụng cho vùng căn cứ, đồng thời chúng mở các cuộc tập kích đánh lên miền núi để truy tìm, vây bắt Hàm Nghi.

Tháng 10 năm 1885, căn cứ Hàm Nghi ở xóm Lim, Ba Nương bị quân địch truy kích, sục sạo, nghĩa quân do Trương Quang Ngọc chỉ huy phục kích đánh trả buộc chúng phải rút về Bãi Đức. Sợ bị lộ, vua Hàm Nghi lui về đóng tại xóm Ve, làng Thanh Truyền, Thanh Lạng. Cuối năm 1885, địch tiến đánh căn cứ Hàm Nghi bằng hai đường. Được tin địch càn quét, Hàm Nghi chạy vào trong rừng, còn nghĩa quân bố trí chặn địch ngay tại căn cứ. Đại úy Huy-gô, chỉ huy bị trúng hai phát tên độc phải bỏ chạy về Bãi Đức rồi rút về Vinh, được ít lâu thì chết vì vết thương quá nặng.

Phong trào chống Pháp ở Quảng Bình phát triển rất mạnh mẽ diễn ra trên nhiều địa phương từ vùng phía trong cho đến vùng ngoài, ở đâu cũng nhận thấy khí thế hừng hực quyết tâm đánh Pháp mang tính chất quần chúng rõ rệt. Tinh thần kháng chiến đó được phản ánh qua đoạn vè như sau:

“Nghe các làng nhón nháo, rèn khí giới gươm đao, sắm giáp nón hầu, đúc gương vàng thẻ bạc; ... Nói trong vùng ta đây, ai ai thì cũng vậy, làng nào làng nấy, đâu đó cũng đua nhau, kẻ bá hộ nhà giàu, đều xuất tiền xuất bạc; Bao nhiêu những phố cùng phường, phải làm xích hậu đêm trường tuần canh, việc triều có lũy có thành, việc làng thì phải đêm canh ngày phòng”.<sup>4</sup>

Hay với những câu ca dao:

“Khen ai khéo tiện ngà cò  
Khéo xây hương án khéo thờ tổ tiên  
Tổ tiên để lại em thờ  
Anh ra ngoài ải cầm cờ theo vua”.

Cũng như ở nhiều nơi, những đội nghĩa quân Cần Vương ở Quảng Bình về căn bản vẫn là những đội quân có tính chất địa phương. Họ đứng lên khởi nghĩa trên ngay tại mảnh đất quê hương của họ, dùng đình làng làm nơi hội họp, doanh trại, dựa vào địa thế hiểm trở trong vùng để đánh Pháp. Trên thực

tế, những đội quân này tuy có phối hợp với nhau trong một số trận đánh nhưng nói chung họ đều giữ tính độc lập về mặt tổ chức lực lượng, tự túc vũ khí, lương thực nên sự phối hợp không được là mấy. Sự chỉ đạo của triều đình Hàm Nghi, hay của Tôn Thất Đàm chỉ có ý nghĩa “trưng đãi” và mang tính chất “danh nghĩa” mà thôi. Thực chất của cái gọi là “cuộc kháng chiến của triều đình Hàm Nghi” ở Quảng Bình cũng chỉ là phong trào kháng chiến của nhân dân mà chủ yếu là của những người nông dân đứng lên cầm vũ khí chống lại thực dân Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của những sĩ phu yêu nước như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Mai Lương, Lê Mô Khởi, Cao Thượng Chí, Hoàng Văn Phúc, Đoàn Chí Tuân cùng với rất nhiều các ông Đề, ông Đốc, Lãnh binh, Cai đội... Họ là những vị chỉ huy can đảm, dám chịu trách nhiệm, không sợ hy sinh, luôn được nhân dân ngưỡng mộ. Phần lớn các sĩ phu không phải là những quan lại tại chức mà là những sĩ phu hoặc đã từ quan, hay đang sống cuộc đời bình yên ở chốn làng quê vì nghĩa lớn nghe theo tiếng gọi của vua Hàm Nghi mà tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Trên thực tế vai trò của Hàm Nghi trong phong trào kháng chiến ở Quảng Bình chỉ là trên “danh nghĩa”, mặc dù triều đình kháng chiến có đặt đại diện ở các nơi nhưng không có tác dụng thực tế trong việc chỉ đạo phong trào; về căn bản phong trào Cần Vương vẫn là phong trào văn thân, phong trào khởi nghĩa của nông dân tự phát nổi dậy. Quảng Bình được xem là căn cứ kháng chiến của Hàm Nghi, phong trào Cần Vương ở Quảng Bình cũng đồng thời là phong trào bảo vệ cơ quan đầu não của đại bản doanh Hàm Nghi mà các tướng lĩnh có một vị trí đặc biệt quan trọng.

#### **4. Âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp đối với phong trào Cần Vương**

Vua Hàm Nghi xuất bôn, xuống chiếu Cần Vương kêu gọi nhân dân kháng chiến và một phong trào vũ trang chống Pháp đã bùng lên mạnh mẽ làm cho địch không khỏi hoang mang, lúng túng. Để đối phó với phong trào, chúng đưa Đồng Khánh lên ngôi để lôi kéo bọn phong kiến phản động vào việc bình định xâm lược nước ta. Tôn Thất Thuyết đã kịp thời vạch trần thủ đoạn chính trị xảo quyệt của Pháp. Ngay khi được tin Đồng Khánh lên ngôi, Tôn Thất Thuyết đã xuống chiếu lần thứ hai bóc trần thủ đoạn chính trị cũng như âm mưu câu kết giữa Pháp và bọn phản bội do Nguyễn Văn Tường cầm đầu và kêu gọi toàn dân đoàn kết đánh giặc.

Trong cuộc chiến đấu nhằm tiêu diệt phong trào Cần Vương và vua Hàm Nghi, đội quân bình định của Pháp đã gặp không ít khó khăn “vì những đau đớn về thể xác, những nỗi đau khổ buồn chán về nghề làm lính, những cuộc trình sát mệt nhọc làm kiệt sức người, trong một miền hoang vu, những ngọn núi dốc ngược, những con suối sâu thẳm, thỉnh thoảng lại chôn vùi tính mạng con người”<sup>5</sup>. (Thư đề ngày 11/3/1888), “... những con vắt rừng, bệnh sốt rét, tiếp tế thiếu thốn, biết bao nhiêu người đã phải bỏ xác ở nghĩa địa Đồng Hới và

nghĩa địa của những đồn bốt nhỏ trong vùng”. Khi nói đến những tội ác mà quân đội Pháp gây ra cho nhân dân vùng có chiến sự xảy ra, L.Cadier đã viết: “Trong một số bức thư tôi đã bớt nhiều câu có nội dung trắng trợn đến mức không thể tin được mặc dù những bức thư này viết bằng tiếng Latinh, “nếu như người Pháp đã dần dần làm cho người An Nam mất lòng kính trọng lúc đầu đối với họ thì chính là phần lớn do những hành vi thiếu đúng đắn ấy”<sup>6</sup>. “Trong khi nói về vấn đề này, chúng ta phải thừa nhận rằng, dù có đưa ra bao nhiêu tình tiết giảm nhẹ để bào chữa cho chúng ta (quân Pháp), chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, trong nhiều trường hợp, điều không thể chối cãi được là hành vi của đồng bào chúng ta rất đáng chê trách”<sup>7</sup>; Số phận những thường dân sống trong vùng chiến sự thượng nguồn sông Gianh, những thổ dân đáng thương, nông dân, ngư dân, tiểu phu, những người khai thác rừng số phận của họ thật là khổ cực, đáng thương, bị khép vào giữa quân phiến loạn (quân Cần Vương) và binh lính của chúng ta (quân Pháp), đi theo phía nào họ cũng sẽ bị chết hoặc bị phá sản...

- Hệ thống đồn bốt: Đoàn quân thượng sông Gianh, bốt Minh Cầm, Bãi Đức, Khe Nét, Roòn, Đồng Ca (Đồng Cả), Ba Tâm, Tân Ấp.

- Trinh sát thực địa nắm tình hình, ghi chép báo cáo, vẽ bản đồ từng khu vực được trinh sát, ghi nhật ký hành quân, nhật ký các đồn bốt, bốt Bãi Đức, thiếu tá Bertrand đóng và chỉ huy, kể cả bốt Đồng Cả.

Trước tình hình đó, địch tăng cường lực lượng cho quân đội Pháp ở Quảng Bình, chúng điều về đây những sĩ quan có nhiều kinh nghiệm như các viên đại úy Mông-troi (Montreuin), Bu-lăng giê (Boulangyer), Bec-vây-ê (Bervailer), và Tru-pen (Toroupel). Cuộc đấu tranh để bảo vệ gìn giữ xóm làng, chống đi phu và nộp thuế cho địch ở vùng đồng bằng trở thành chỗ dựa vững chắc cho căn cứ Hàm Nghi. Để đối phó lại quân khởi nghĩa, địch thiết lập hệ thống đồn bốt khá dày đặc nhằm kiểm soát các trục đường giao thông, cắt đứt mối liên hệ giữa nghĩa quân với nhân dân, từ đó làm bàn đạp tấn công căn cứ Hàm Nghi, nhất vào những năm 1887, 1888. Hệ thống các đồn bốt của Pháp nhất là những đồn bốt nhỏ ngày càng dày, chủ yếu tập trung ở vùng thượng nguồn sông Gianh (Tân Ấp, Bãi Đức, Đồng Cả, Thanh Lạng, Ba Tâm, Minh Cầm...) nhằm vây chặt căn cứ kháng chiến của Hàm Nghi, đe bẹp ý chí đấu tranh đánh Pháp của nghĩa quân Cần Vương.

## **5. Một số nghi vấn xung quanh phong trào Cần Vương và vua Hàm Nghi**

- Sự việc vua Hàm Nghi trên đường ra Bắc có dừng chân ở Lệ Thủy hay không? Việc Tôn Thất Thuyết gửi trước cho Võ Trọng Bình 140 hòm tiền bạc được một số sách lịch sử đề cập có phải là có thật hay không?

- Vào tháng 10 năm 2004, tại cánh Đồng Nghè thuộc vùng ranh giới của hai xã Thạch Hóa và Nam Hóa (Tuyên Hóa) những người rà sắt thép phế liệu đã tình cờ phát hiện được một số lượng tiền đồng (hình tròn, lỗ vuông ở giữa) rất lớn khoảng 2 tấn, số tiền này nhanh chóng được đem bán trên thị trường chợ đen, giá bán lúc đầu là 70.000 đ/kg, sau đó lên 100.000 đ/kg, có lúc tiền được chở trên xe công nông (Ông Sinh - chủ cơ sở thu mua phế liệu tại thị trấn Đồng Lê mua được một xe công nông tiền (khoảng 700kg) để đem bán lại cho các nhà sưu tập tiền cổ); Số tiền đào lên được đựng trong những chiếc chum loại vừa, cùng hàng chục loại hũ, vại bằng chất liệu gốm sành... Khi biết được sự việc trên, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Công an PA25, Bảo tàng Tổng hợp tỉnh vào cuộc, nhưng quá chậm nên số tiền trên được đem đi bán hết, tỉnh chỉ thu hồi lại được một phần rất nhỏ khoảng 3kg tiền. Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy số tiền thu được đều có niên đại từ thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh của Trung Quốc (đồng sớm nhất là tiền Khai nguyên thông bảo đời Đường, đồng muộn là Càn Long thông bảo đời Thanh). Trong dân gian có nguồn tin cho rằng đây là tiền của Hàm Nghi, vậy nên cho đến nay câu chuyện trên còn là những bí ẩn chưa có lời giải thỏa đáng.

- Việc phát hiện được những đồng tiền vàng "Minh Mạng thông bảo" vào năm 2008 (do bà Nguyễn Thị Liên và em Lê Thị Cường nhặt được trong khi đi bắt cá tại khe Trọt Su) thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, đến nay vẫn còn nhiều điều nghi vấn, số tiền vàng đó là của ai? Tại sao lại có tại địa điểm nhặt được? Nhân dân vùng Đồng Lê vẫn có tin truyền là tiền vàng của Hàm Nghi. (Tỉnh thu giữ được 3 đồng có trọng lượng 1,32 lượng vàng).

- Cho đến nay, nhân dân trong các làng của hai xã Thạch Hóa và Đồng Hóa thuộc huyện Tuyên Hóa, vẫn còn truyền tụng câu chuyện về vua Hàm Nghi có về và dừng nghỉ trong các hang lèn vốn có rất nhiều ở vùng này. Sự thật đến đâu cho tới bây giờ đều không được rõ. Vậy liệu vua Hàm Nghi và quân Càn Vương có về nghỉ tại vùng này hay không?

- Về bản mật lệnh của đại tướng Tôn Thất Thuyết gửi cho tướng Càn Vương ở Quảng Bình là.... Hoàng Phúc với nội dung như sau:

Phiên âm bản mật lệnh: “Giao quan phòng sứ đình Đông Thái: Khẩn báo, cử nhân đảo địa giới Lý Hòa, lập căn cứ thủy binh, tòng kế Trần Dụ Tông, lưỡng diện Bắc - Nam, tự đại khôi xuất, tam tầng tiểu sơn giáp tiểu Khê, hữu triều quân diện Bắc, diện Nam, quá giang môn, giáp quân thạch đệ nhất, cập quan Thùy vệ Hoàng Phúc phối tác. Mong tướng công cấp lự, trừ sắc hư đại nghiệp. (Tướng công Tôn Thất Thuyết).

Dịch nghĩa là: “Mệnh lệnh bí mật”. “Nay giao cho quan phòng sứ đình Đông Thái (ông Phan Đình Phùng, người dịch): “Hãy báo gấp cho quan quân,



cử người đến địa giới làng Lý Hòa, lập căn cứ thủy binh theo kế sách của vua Trần Dụ Tông ngày trước; Lợi dụng cả hai mặt Bắc - Nam, từ hòn núi lớn trở ra, qua ba dãy núi nhỏ giáp với dòng khe nhỏ, có quân triều đình ở mặt Bắc, còn mặt Nam, quá cửa sông, giáp với khối núi đá thứ nhất thì hãy cùng với quan Thủy vệ Hoàng Phúc phối hợp kế hoạch tác chiến. Mong tướng công lo liệu gấp, hãy xem xét kỹ mà giải quyết (tháo gỡ) kéo hỏng mất việc lớn”. (Tướng công Tôn Thất Thuyết). Bản dịch do cụ Trương Quang Phúc, chủ nhiệm câu lạc bộ Hán Nôm Quảng Bình dịch và chú thích ngày 9/8/2003).

### **Ghi chú:**

- (1), (2) Dẫn theo gia phả Nguyễn Phạm Tôn, sách Danh nhân Quảng Bình.
- (3) Theo sách Địa lý - Lịch sử Quảng Bình của Lương Duy Tâm.
- (4) Về Bình Tây sát tả, Sách Địa lý - Lịch sử Quảng Bình.
- (5), (6), (7) Theo tài liệu Đời sống trong những đồn bốt nhỏ ở Quảng Bình vào năm 1888, của trung úy Gosselin, Tạp chí Những người bạn của cố đô Huế, năm 1942.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb Giáo dục, 2004.
2. Lương Duy Tâm, *Địa lý - Lịch sử Quảng Bình*, Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình, 1998.
3. Nguyễn Tú, *Quảng Bình nước non và lịch sử*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình, xuất bản năm 1998.
4. Nhiều tác giả, *Danh nhân Quảng Bình*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997.
5. Nhiều tác giả, *Danh nhân Quảng Bình*, Nxb Thời đại, 2013.
6. Giấy tờ của trung úy Gosselin do L. Cadiere, Hội truyền giáo nước ngoài ở Pari giới thiệu và chú thích “Đời sống trong những đồn bốt nhỏ ở Quảng Bình vào năm 1888, TVQG. M. 1589. Kho QH. Trích *Tạp chí của những người bạn cố đô Huế*”, số 2, tháng 4-6/1942.
7. Đặng Huy Vận, *Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình ở cuối thế kỷ XIX*.
8. Một số bài viết khác có liên quan đến phong trào Cần Vương và vua Hàm Nghi ở Quảng Bình.